

ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

(Một nghiên cứu tại địa bàn huyện Sapa, tỉnh Lào Cai và huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình)

TS. Nguyễn Thế Kiên^{1*}, ThS. Nguyễn Ngọc Diệp², ThS. Đoàn Thị Bích Thu²,
Nguyễn Thị Minh Khuê¹

¹Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

²Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thế Kiên, nguyenthekien@vnu.edu.vn

THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 20/07/2023

Ngày nhận bài sửa: 06/09/2023

Ngày duyệt đăng: 21/09/2023

TỪ KHOÁ

Bảo tồn nguyên gốc giá trị;

Chia sẻ giá trị;

Cộng đồng;

Du lịch bền vững;

Sáng tạo giá trị.

TÓM TẮT

Các hoạt động của của đồng địa phương có nhiều tác động đến phát triển du lịch bền vững. Trong nghiên cứu này tác giả sẽ phân tích các hoạt động sáng tạo giá trị; chia sẻ giá trị và bảo tồn nguyên gốc giá trị của cộng đồng ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính: Quan sát, phân tích tài liệu và nghiên cứu định lượng: Phỏng vấn sử dụng bảng hỏi với 323 đơn vị nghiên cứu bao gồm các hộ gia đình; cán bộ quản lý các cấp; doanh nghiệp tại địa phương nhằm thu thập thông tin phục vụ mục tiêu nghiên cứu. Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS và AMOS nhằm kiểm định các giả thuyết trong mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu thể hiện các hoạt động sáng tạo giá trị; chia sẻ giá trị và bảo tồn nguyên gốc giá trị của cộng đồng địa phương có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển du lịch bền vững, làm cho nền kinh tế của hộ gia đình và của địa phương tăng lên, cơ sở hạ tầng một phần được xã hội hóa; các giá trị văn hóa được bảo tồn và phát huy, môi trường được bảo vệ như giảm thiểu sử dụng tài nguyên, áp dụng các mô hình giảm thiểu ô nhiễm.

ABSTRACT

Local community activities have many impacts on sustainable tourism development. In this research, the author analyzes value creation activities; sharing values and preserving the original values of the community affecting sustainable tourism development. The author uses qualitative research methods: Observation, document analysis and quantitative research: Interviews using

questionnaires with 323 research units including households; management officials at all levels; local enterprises to collect information for research purposes. Data were analyzed using SPSS and AMOS software to test the hypotheses in the research model. The research results demonstrated that value creation activities; sharing values and preserving the original values of the local community have a positive impact on sustainable tourism development, increasing the household and local economy, infrastructure is partly socialized; cultural values are preserved and promoted, the environment is protected by minimizing the use of resources and applying pollution reduction models.

1. GIỚI THIỆU

Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các cộng đồng dân cư. Các hoạt động của cộng đồng địa phương (CĐDP) được xem là một nhân tố quan trọng trong phát triển du lịch bền vững (PTDLBV). Sự tham gia của CĐDP đóng góp bằng cách tạo ra các hoạt động sáng tạo giá trị, chia sẻ những giá trị và bảo tồn nguyên gốc giá trị văn hóa, môi trường của họ. Những trải nghiệm này không chỉ làm phong phú thêm trải nghiệm du khách, tạo ra sức hút của điểm đến, duy trì sự hấp dẫn của địa điểm du lịch đồng thời tạo ra cơ hội phát triển của chính cộng đồng nơi đây thông qua phát triển kinh tế xã hội, duy trì bản sắc địa phương và bảo vệ tài nguyên môi trường từ đó tạo ra cơ sở quan trọng để du lịch có thể tồn tại và phát triển lâu dài mà không gây tổn hại đến con người và thiên nhiên.

Tại các tỉnh miền núi Việt Nam, đang diễn ra nhiều hoạt động du lịch, nhiều mô hình du lịch dựa vào cộng đồng, nhất là tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình là hai khu vực du lịch tương đối nổi tiếng của các tỉnh miền núi phía Bắc. Mô hình du lịch cộng đồng trở thành hướng đi cho vấn đề thoát nghèo bền vững của cộng đồng địa phương. Tại hai địa điểm nghiên cứu trên từ năm

2008 chính quyền địa phương và người dân đã xây dựng và vận hành mô hình du lịch với các hoạt động sáng tạo giá trị; chia sẻ giá trị và bảo tồn nguyên gốc giá trị của cộng đồng từ đó trở thành điểm đến có sức thu hút đối với khách du lịch. Trải qua thời gian xây dựng và phát triển càng thể hiện rõ những hoạt động của cộng đồng có đóng góp lớn đối với sự phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, chính sự tham gia này lại là cơ sở cho PTDLBV cũng như thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất

Quan điểm về du lịch bền vững được các tổ chức, các nhà nghiên cứu quan tâm. Có nhiều quan điểm về DLBV tuy nhiên quan điểm của Tổ chức Du lịch Thế giới được các học giả sử dụng phổ biến nhất. “*Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho phát triển du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về kinh tế - xã hội, thẩm mỹ của con người trong*

khi vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống con người” (UNWTO, 1998).

Tại Việt Nam, Luật Du lịch năm 2017 quy định, “PTDLBV được hiểu là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội - môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai” (Quốc hội, 2017). Bản chất của du lịch cộng đồng là mô hình PTDLBV với sự tham gia trực tiếp của người dân địa phương vào hoạt động du lịch nhằm mục tiêu giảm nghèo và phát triển cộng đồng. Cộng đồng có thể kiểm soát được sự phát triển du lịch, tham gia xây dựng sản phẩm du lịch, là nhà cung cấp tài nguyên và nguồn lực con người cho du lịch (Muhanna, 2007)

Sự phát triển du lịch bền vững được đánh giá qua ba trụ cột đó là (i) Bền vững về kinh tế là hoạt động du lịch phải góp phần tích cực tạo sự tăng trưởng kinh tế ổn định lâu dài của điểm đến, tăng thu nhập, tạo việc làm và đảm bảo sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương. (ii) Bền vững về xã hội là hoạt động du lịch phải đảm bảo sự cân bằng về lợi kinh tế - xã hội cho các bên liên quan, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm thông đồng địa phương, từ đó đảm bảo phát triển xã hội văn minh, lành mạnh. (iii) Bền vững về môi trường là hoạt động du lịch sử dụng tối ưu tài nguyên thiên nhiên và văn hoá; giảm thiểu tác động đến môi trường, bảo tồn và phát huy các giá tài nguyên thiên nhiên và văn hoá truyền thống, duy trì sự đa dạng sinh học, từ đó phục vụ du lịch phát triển tốt hơn (Chính phủ, 2020; Nguyễn Văn Thắng, 2015; T&C Consulting & Gillespie, 2014); (Andriotis, 2004; Belisle & Hoy, 1980; Huttasin, 2008; Nunkoo & Ramkissoon, 2011; Sirivongs & Tsuchiya, 2012).

Sự tham gia của CĐDP được xem là yếu tố trung tâm trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững (Tosun & Timothy, 2003), là một mô hình phù hợp với các điểm du lịch có mức độ phát triển khác nhau (Tosun, 2001). Mô hình này cho phép

người dân được tham gia vào quá trình chia sẻ lợi ích, xác định loại hình du lịch và quy mô phát triển du lịch của địa phương. Sự tham gia của cộng đồng không chỉ thể hiện qua các quá trình lập kế hoạch, mà còn hướng đến việc đạt lợi ích chung, trong đó có sự tham gia của các bên vào một hoạt động và mang lại hiệu quả cao (Swarbrooke, 1999). Theo quan điểm này, cộng đồng địa phương cần được thúc đẩy tham gia vì sẽ (i) hỗ trợ cho quá trình ra quyết định phù hợp hơn, gia tăng động lực phát triển kinh tế cho địa phương, (ii) gắn chặt trách nhiệm của địa phương với các hoạt động bảo tồn tài nguyên và bảo vệ môi trường, (ii) gia tăng sự hài lòng của du khách khi có sự tham gia của người dân trong các hoạt động du lịch với niềm tự hào, nhiệt huyết (Hall C.M. et al., 1997). Sự tham gia của cộng đồng cũng đảm bảo tính dân chủ vì những người địa phương bị ảnh hưởng nhiều nhất từ du lịch được tiếp cận, sử dụng giá trị địa phương đối với việc phát triển du lịch trong giới hạn cho phép (Pavlovich, 2001; Swarbrooke, 1999).

Lý thuyết các bên liên quan thể hiện vai trò về sự đóng góp của cộng đồng trong phát triển du lịch bền vững, sự tham gia của cộng đồng là một trong những yêu cầu cần thiết để đạt được sự bền vững trong du lịch (Faulkner Bill, 2014; UNWTO, 2007). Trong phát triển du lịch, CĐDP giữ vai trò trung tâm trong các hoạt động du lịch. Hoạt động du lịch được diễn ra trong cộng đồng có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến các thành viên nên CĐDP được xem là thành phần đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững (Cole et al., 2006; Zhao & Ritchie, 2007).

Nhiều nghiên cứu đã cho thấy yếu tố trung tâm trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững là có sự tham gia của CĐDP (Buccus et al., 2008; Geoffrey & Jones, 2007; Muhanna, 2007; Timothy Duval, 2004; Tosun & Timothy, 2003). Cộng đồng địa phương có quyền kiểm soát và tham gia tích cực vào các hoạt động của phát triển du lịch như sáng tạo sản phẩm, cung cấp tài nguyên và dịch vụ du lịch. Cộng đồng địa phương tham gia sẽ được nhận lợi ích nhất định được tạo ra từ quá trình phát triển du lịch. Bên cạnh đó, gắn chặt trách nhiệm

của cộng đồng địa phương tham gia hoạt động du lịch với các hoạt động bảo tồn tài nguyên và bảo vệ môi trường. Sự tham gia của cộng đồng trong du lịch được thể hiện thông qua các hoạt động.

Sáng tạo giá trị là khái niệm đã được đề cập đến trong các nghiên cứu về phát triển du lịch hướng tới bền vững. Sáng tạo giá trị được nhận diện qua những đề xuất mới, giới thiệu sản phẩm mới hoặc phương thức sản xuất mới, dịch vụ mới, sản phẩm du lịch đảm bảo tính bền vững lâu dài (Baier K., 1966; Bowman & Ambrosini, 2000; Schumpeter, 1934; Timmer & Juma, 2005). Trọng tâm của sáng tạo giá trị trong phát triển du lịch là để đảm bảo các hoạt động phát triển du lịch dựa trên mục tiêu phát triển của cộng đồng, lợi ích chính của cộng đồng. Sáng tạo giá trị của hoạt động du lịch bền vững dựa trên việc sử dụng các nguồn lực hiện có để tạo ra một sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng và hướng đến phát triển cộng đồng, thu hút khách du lịch và gia tăng chi tiêu của khách du lịch (Choi & Sirakaya, 2005). Vai trò của cộng đồng địa phương trong các hoạt động sáng tạo giá trị được thể hiện thông qua nhiều hoạt động như tiếp nhận và làm mới nơi cư trú, tham gia vào các hoạt động, quản lý du lịch ở những ngành nghề và vị trí thích hợp để hình thành nên sản phẩm du lịch (Macbeth et al., 2002); chia sẻ kinh nghiệm làm du lịch và xác định loại hình, quy mô phát triển du lịch bền vững tại địa phương (Tosun, 2006).

Hoạt động chia sẻ giá trị thường đề cập đến sự tham gia của các bên liên quan, sự phân bổ lợi ích đạt được từ quá trình phát triển và duy trì hoạt động du lịch (Briedenhann now Tilbury & Eugenia, 2004; Carbone, 2005; George & Henthorne, 2007; Suntikul et al., 2010; Tak-chuen, 2005). Lợi ích kinh tế thu được từ du lịch sẽ hướng đến phát triển cộng đồng, một phần sẽ được sử dụng để đóng góp vào tái tạo sản phẩm, để đạt được các mục tiêu phát triển bằng hành động tăng thu nhập cho cộng đồng (Arthur & Mensah, 2006; Ayala-carcedo & Regueiro y González-Barros, 2005; Byrd & Charters, 2007). Các hoạt động chia

sẽ giá trị, thể hiện thông qua các hoạt động như tham gia trực tiếp vào các hoạt động như cho thuê đất, làm thuê cho các doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ như thực phẩm, hướng dẫn viên, gia tăng trải nghiệm cho du khách, mang lại cho du khách cảm giác về sự an toàn và hiếu khách (Canestrelli & Costa, 1991; Machlis & Burch, 1983). Sự tham gia của cộng đồng địa phương giúp đạt được sự công bằng trong phân phối lợi ích, dân chủ hơn trong quá trình ra quyết định và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cộng đồng địa phương (Brohman, 1996).

Hoạt động bảo tồn nguồn gốc giá trị: Phát triển du lịch gắn liền với hoạt động bảo tồn nguồn gốc giá trị đã được đề cập đến trong một số nghiên cứu với quan điểm rằng, bảo tồn được xác định trên 2 khía cạnh là bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn tài nguyên văn hóa. Hoạt động bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên hướng đến việc ưu tiên bảo vệ môi trường trong sự phát triển của DLBV (Binns & Nel, 2002; Cousins et al., 2009; S. Gossling et al., 2004; Simmons, 2007; Stronza et al., 2019). Bảo tồn văn hóa và tập quán truyền thống thể hiện qua sự hiện diện của các khía cạnh văn hóa độc đáo trong quá trình phát triển du lịch và đời sống hàng ngày của người dân địa phương (Choi & Sirakaya, 2005; Mbaiwa, 2004). Hoạt động bảo tồn nguồn gốc giá trị thể hiện qua gìn giữ nếp nhà ở với kiến trúc truyền thống để thu hút được du khách một cách tự nhiên, sự hiểu biết về văn hóa truyền thống và cuộc sống của người dân địa phương là những hợp phần chính của trải nghiệm và giáo dục du khách (Canestrelli & Costa, 1991; Machlis & Burch, 1983) cung cấp kiến thức và thông tin địa phương có giá trị cho du khách (Amir et al., 2015).

Như vậy nghiên cứu xác định 03 nhân tố độc lập Nhân tố Sáng tạo giá trị (ST) với 4 quan sát; Chia sẻ giá trị (CS) với 4 quan sát; Bảo tồn nguồn gốc giá trị (BT) với 5 quan sát; Biến phụ thuộc là Bền vững về Kinh tế (KT) với 4 quan sát; Bền vững về Xã hội (XH) với 4 quan sát; Bền vững về Môi trường (MT) với 4 quan sát được thể hiện trong bảng 1.

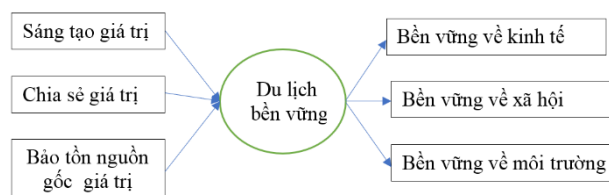
Bảng 1: Tổng hợp các biến quan sát

Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn
ST1	Địa phương có các sản phẩm du lịch đặc thù	Baier K., 1966; Bowman & Ambrosini, 2000; Schumpeter, 1934; Timmer & Juma, 2005
ST2	Các sản phẩm du lịch được quảng bá đến khách du lịch thông qua nhiều kênh truyền thông	Schumpeter, 1934;
ST3	Khách hàng hài lòng với các sản phẩm du lịch của cộng đồng	Choi & Sirakaya, 2005
ST4	Các sản phẩm của hoạt động du lịch có tính chất bền vững	Choi & Sirakaya, 2005; Tosun, 2006
CS1	Các đơn vị cung cấp dịch vụ du lịch; người dân địa phương kinh có sự liên kết với nhau trong phát triển du lịch	Briedenhann now Tilbury & Eugenia, 2004;
CS2	Một phần nguồn thu từ hoạt động du lịch được đóng góp cho các quỹ của cộng đồng	George & Henthorne, 2007; (Arthur & Mensah, 2006;).
CS3	Các cơ sở du lịch đóng góp vào ngân sách của địa phương	Byrd & Charters, 2007
CS4	Hoạt động du lịch gia tăng các hoạt động chung của cộng đồng trong quá trình ra quyết định đối với các vấn đề chung	Ayala-carcedo & Regueiro y González-Barros, 2005;
BT1	Hoạt động du lịch chú trọng bảo tồn tài nguyên thiên nhiên	Binns & Nel, 2002; Cousins et al., 2009; S. Gossling et al.,
BT2	Hoạt động du lịch chú trọng bảo tồn các	(Choi & Sirakaya, 2005; Mbaiwa, 2004)

Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn
	giá trị văn hóa địa phương	
BT3	Các tài nguyên khi khai thác phục vụ du lịch gắn với hoạt động phục hồi	S. Gossling et al., 2004; Simmons, 2007; Stronza et al., 2019)
BT4	Các hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống được phục dựng và tổ chức thường xuyên	(Choi & Sirakaya, 2005; Mbaiwa, 2004)
BT5	Người dân có ý thức hơn trong hoạt động bảo tồn tự nhiên và văn hóa	Amir et al., 2015
KT1	Cơ sở hạ tầng ở địa phương ngày càng được cải thiện và phát triển	(Andriotis, 2004; Belisle & Hoy, 1980)
KT2	Người dân địa phương có nhiều thêm việc làm thêm từ hoạt động du lịch	(Andriotis, 2004; Belisle & Hoy, 1980; Huttasin, 2008; Nunkoo & Ramkissoon, 2011; Sirivongs & Tsuchiya, 2012)
KT3	Mức sống của người dân địa phương ngày càng được nâng cao	(Andriotis, 2004; Belisle & Hoy, 1980; Huttasin, 2008; Nunkoo & Ramkissoon, 2011; Sirivongs & Tsuchiya, 2012)
KT4	Du lịch thu hút nhiều đầu tư cho địa phương	(Belisle & Hoy, 1980; Nunkoo & Ramkissoon, 2011; Sirivongs & Tsuchiya, 2012)
XH1	Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được tốt hơn	(Andriotis, 2004; Belisle & Hoy, 1980)
XH2	Người dân địa phương có lòng tự hào lớn về văn hóa bản địa 8,22,23	(Huttasin, 2008; Sirivongs & Tsuchiya, 2012)

Ký hiệu	Biến quan sát	Nguồn
XH3	Các hoạt động văn hóa như phát triển nghề thủ công, các loại hình biểu diễn nghệ thuật và âm nhạc, lễ hội, ... tại địa phương phát triển rộng rãi	(Andriotis, 2004; Belisle & Hoy, 1980; Huttasin, 2008; Nunkoo & Ramkissoon, 2011; Sirivongs & Tsuchiya, 2012)
XH4	Hoạt động giao lưu văn hóa giữa du khách và người dân địa phương được tăng cường	(Nunkoo & Ramkissoon, 2011; Sirivongs & Tsuchiya, 2012)
MT1	Môi trường tự nhiên ở địa phương bảo tồn được bảo tồn tốt hơn.	(Andriotis, 2004; Belisle & Hoy, 1980; Nunkoo & Ramkissoon, 2011; Sirivongs & Tsuchiya, 2012)
MT2	Các loài động vật hoang dã ở địa phương được bảo tồn nhờ các qui chế của cộng đồng và hoạt động nuôi dưỡng theo qui định	(Andriotis, 2004; Huttasin, 2008; Sirivongs & Tsuchiya, 2012)
MT3	Công tác thu gom và xử lý rác thải thực hiện tốt hơn	Ý kiến chuyên gia
MT4	Môi trường sinh thái địa phương trở nên xanh, sạch hơn 16	(Nunkoo & Ramkissoon, 2011)

Từ các nhân tố và biến quan sát được tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

Các giả thuyết trong mô hình:

H1: Hoạt động sáng tạo giá trị của cộng đồng địa phương ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển du lịch bền vững

H2: Hoạt động chia sẻ giá trị của cộng đồng địa phương ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển du lịch bền vững

H3: Hoạt động bảo tồn nguồn gốc giá trị của cộng đồng địa phương ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển du lịch bền vững

2.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng để phân tích các kết quả báo cáo của địa phương và các nghiên cứu của các tác giả. Phương pháp quan sát được sử dụng để thu thập các thông tin ghi nhận về các hoạt động du lịch tại các điểm đến.

Phương pháp phỏng vấn sâu được thực hiện với các chuyên gia, các nhà quản lý, và người dân địa phương đang tham gia vào các hoạt động du lịch.

Dữ liệu định tính của phương pháp quan sát và phỏng vấn sâu được trình bày trong nghiên cứu với các mô tả và các trích dẫn các ý kiến của các chuyên gia, người dân tại cộng đồng trên cơ sở nguyên tắc khuyết danh.

Chọn mẫu trong nghiên cứu: Đối với phân tích nhân tố khám phá EFA theo nghiên cứu của (Hair et al., 2010) cho tham khảo về kích thước mẫu dự kiến. Theo đó kích thước mẫu tối thiểu là gấp 5 lần tổng số biến quan sát. Đối với phân tích hồi quy đa biến: cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được tính theo công thức là $50 + 8 \cdot m$ (m: số biến độc lập) (Barbara G. Tabachnick & Linda S. Fidell, 1996; Roger Bove, 2006).

Như vậy phương pháp phỏng vấn sử dụng bảng hỏi với 25 biến quan sát trong phiếu hỏi dung lượng mẫu tối thiểu cần nghiên cứu là $25 \cdot 5 = 125$. Trong quá trình thực hiện nghiên cứu khảo sát với dung lượng mẫu là 323 đơn vị nghiên cứu gồm: Hộ dân cung cấp dịch vụ du lịch, các bộ chính quyền cấp xã/thị trấn, huyện Mẫu nghiên cứu được thực hiện tại hai khu vực tại Sapa, Lào Cai và Mai Châu, Hòa Bình. Thang đo Likert được sử dụng để đo

lường các khái niệm nghiên cứu với mức 1 từ Hoàn toàn không đồng ý đến mức 5-Hoàn toàn đồng ý.

Dữ liệu khảo sát bằng bảng hỏi được mã hóa, xử lý và phân tích với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS, AMOS 22.0. Thông qua các đánh giá: Độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích nhân tố khẳng định, mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Một mô hình được đánh giá là phù hợp với bộ dữ liệu khi các chỉ số thỏa mãn các ngưỡng giá trị sau: $CFI \geq 0,9$ và $SRMR \leq 0,08$ (Hu & Bentler, 1999). Bên cạnh đó, hệ số độ tin cậy tổng hợp (CR) lớn hơn 0,7 để thang đo được xem là tin cậy (Nunnally & Bernstein, 1994). Ngoài ra, thang đo đạt giá trị hội tụ khi hệ số độ tin cậy lớn hơn 0,7 và các hệ số tải chuẩn hóa lớn hơn ngưỡng 0,5 có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) và phương sai trích (AVE) lớn hơn ngưỡng 0,5. Giá trị phân biệt của thang đo được coi là đạt nếu như các giá trị AVE đều lớn hơn bình phương của hệ số tương quan giữa biến đó với các biến khác (Hair et al., 2010).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả phân tích dữ liệu

Mẫu khảo sát gồm 323 người dân thuộc hai địa bàn điều tra (Sapa là 160 người và Mai châu là 162 người). Tỷ lệ tương đối bằng nhau giữa nam và nữ (tương ứng là 51% và 49%). Về độ tuổi, những người tham gia khảo sát chủ yếu thuộc nhóm tuổi trung niên và trẻ với độ tuổi từ 30 đến 39 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (38%), số người trong các độ tuổi từ 18 đến 30, 40 đến 50 và trên 50 chiếm tỷ lệ nhỏ hơn, tiếp theo là nhóm từ 18 đến 29 tuổi (24%) và nhóm từ 40 đến 49 tuổi (21,7%). Đa số người trả lời (90,5%) tại cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch một cách trực tiếp (chủ yếu là làm việc ở nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, khách sạn và nhà lưu trú trong dân, vận chuyển, hướng dẫn viên...) hoặc gián tiếp (bán hàng lưu niệm và dịch vụ may đo cho du khách, biểu diễn nghệ thuật...), số còn lại là sự đánh giá của các đơn vị doanh nghiệp và chính quyền địa phương.

Kết quả khảo sát được đánh giá độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích nhân tố khẳng định kết quả thể hiện các quan sát phản ánh tốt hệ khái niệm và đạt độ tin cậy.

Bảng 2: Ma trận nhân tố xoay các biến độc lập

	Hệ số tải nhân tố			Cronbach's Alpha	Độ tin cậy tổng hợp	AVE
	1	2	3			
BT4	0,878					
BT2	0,878					
BT3	0,856			0,899	0,892	0,623
BT5	0,839					
BT1	0,714					
ST1		0,955				
ST2		0,935		0,936	0,936	0,786
ST3		0,906				
ST4		0,837				
CS2			0,908			
CS4			0,891	0,905	0,907	0,709
CS1			0,882			
CS3			0,831			

Extraction Method: Principal Component Analysis,
Rotation Method: Promax with Kaiser Normalization,
KMO: 0,877; Bartlett's Test: 0,000;
Tổng phương sai trích: 77,100

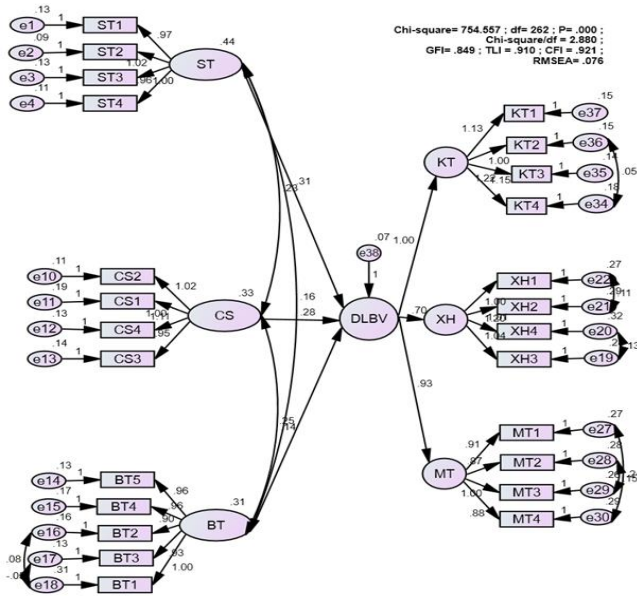
Kết quả phân tích EFA các biến độc lập và biến phụ thuộc thể hiện các biến quan sát có hệ số tải nhân tố $> 0,5$, hệ số Cronbach's Alpha $> 0,8$; Độ tin cậy tổng hợp $> 0,8$ và hệ số AVE $> 0,6$ đều đạt ngưỡng yêu cầu đặt ra (Xem Bảng 1 và Bảng 2).

Bảng 3: Ma trận nhân tố xoay các biến phụ thuộc

	Hệ số tải nhân tố			Cronbach's Alpha	Độ tin cậy tổng hợp	AVE
	1	2	3			
MT1	0,963					
MT4	0,943			0,910	0,714	0,585
MT2	0,852					
MT3	0,727					
KT1		0,899				
KT2		0,898		0,900	0,642	0,510
KT3		0,868				
KT4		0,784				
XH3			0,846			
XH2			0,846	0,838	0,886	0,661
XH4			0,801			
XH1			0,764			

Extraction Method: Principal Component Analysis,
Rotation Method: Promax with Kaiser Normalization,
KMO: 0,881; Bartlett's Test: 0,000;
Tổng phương sai trích: 74,700

Những quả phân tích SEM sự ảnh hưởng của CDDP đến sự PTDLBV cho thấy các chỉ số trong mô hình đảm bảo độ tin cậy. Chi-square =754,557; GFI=0,849; TLI=0,910; CFI=0,912; RMSEA=0,076



Hình 2: Sự tham gia của cộng đồng địa phương đối với phát triển du lịch bền vững

3.2. Thảo luận

Sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng địa phương được xem là một trong những hướng đi quan trọng để phát triển du lịch bền vững. Trong hoạt động du lịch cộng đồng địa phương không chỉ dựa trên những lợi thế sẵn có từ thiên nhiên, từ văn hóa truyền thống mà đã sáng tạo giá trị mới trong hoạt động du lịch. Cộng đồng tại điểm đến đã có hoạt động trực tiếp và gián tiếp tạo ra sản phẩm và dịch vụ du lịch cộng đồng, tạo ra giá trị kinh tế và góp phần phát triển cho cộng đồng địa phương.

Hoạt động Sáng tạo giá trị có tác động tích cực và có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự phát triển du lịch bền vững ($\beta=0.31$). Hoạt động sáng tạo giá trị tại điểm đến bao gồm: (i) Sáng tạo hoặc cải tiến sản phẩm du lịch như xây dựng các Homestay đạt chuẩn Asean; Biểu diễn âm nhạc và văn hóa, lễ hội truyền thống; Các món ẩm thực đặc sản địa

phương, dã ngoại, chèo bè; Dịch vụ tắm lá thuốc người Dao đỏ; Cho thuê xe máy, xe đạp Cung cấp sản vật địa phương, đồ thủ công và quà lưu niệm.

(ii) Thu hút khách du lịch thông qua: Xây dựng cơ sở hạ tầng và cải tạo Homestay, dịch vụ ăn uống, ngủ nghỉ tiện nghi; Quảng bá, giới thiệu sản phẩm du lịch trên các phương tiện truyền thông; Tìm kiếm, khai thác sản phẩm dịch vụ du lịch mới. (iii) Gia tăng mức chi tiêu của du khách. Khảo sát tại Mai Châu thể hiện năm 2022, huyện đã đón 524.000 lượt khách, tổng doanh thu từ du lịch ước đạt 598 tỉ đồng, tạo việc làm cho hàng nghìn người dân địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện. Đến nay, trên địa bàn huyện có 148 cơ sở lưu trú, 7 điểm du lịch cộng đồng, 12 khách sạn, 28 nhà nghỉ, 106 homestay, thu hút, tạo việc làm cho 1.200 lao động trong lĩnh vực du lịch, số ngày lưu trú của khách du lịch là 2.0 ngày/người, mức chi tiêu là 450.000đ/người/ngày (UBND huyện Mai Châu, 2022). Đối với Sapa hiện có 711 cơ sở lưu trú du lịch (392 nhà nghỉ, khách sạn và 321 homestay) với tổng số trên 8.000 phòng với trên 14.000 giường, đảm bảo sức chứa từ 20.000 - gần 40.000 lượt khách/đêm. Trong đó, có 2 khách sạn 5 sao; 06 khách sạn 4 sao; 11 khách sạn 3 sao, còn lại là khách sạn từ tiêu chuẩn 2 sao trở xuống và nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn, số ngày lưu trú của khách du lịch là 2,5 ngày/người, mức chi tiêu là 550.000đ/người/ngày (Thanh Huyền, 2022).

“Người dân thời gian trước đây là 100% làm ruộng. Từ khi phát triển du lịch các hộ gia đình vay ngân hàng, người thân tự đầu tư sửa nhà sàn, làm lại các công trình của gia đình, làm đường, mua đạp, xe điện nhằm phục vụ du khách. Thu nhập của các hộ gia đình khi làm du lịch thì thu nhập tăng lên đáng kể so với làm nông nghiệp trước đây.

(Trương bản, Nam, 50 tuổi)

Sự phát triển du lịch và sáng tạo các giá trị du lịch đã tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho cộng

đồng địa phương bằng cách cải thiện cơ sở hạ tầng và đào tạo người dân làm du lịch, tạo các việc làm mới, khuyến khích đa dạng hóa các nguồn thu nhập, cải thiện mức sống cho người dân giảm tỉ lệ hộ nghèo trong huyện, giảm bớt sự di cư của người dân khỏi địa phương, bảo vệ và khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lý phục vụ du lịch từ đó tạo cơ sở để phát triển bền vững.

Hoạt động Chia sẻ giá trị có tác động tích cực và có ảnh hưởng mạnh thứ hai đến sự phát triển du lịch bền vững ($\beta=0.28$). Hoạt động chia sẻ giá trị trong phát triển du lịch bền vững chính là quá trình các cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch và được hưởng lợi từ hoạt động du lịch. Cộng đồng trong hoạt động du lịch cộng đồng được đảm bảo lợi ích, từ đó tiếp tục sáng tạo giá trị trên cơ sở tối ưu hoá nguồn lực thông qua tái phân bổ và tái sử dụng sản phẩm và dịch vụ du lịch. Chia sẻ giá trị trong phát triển du lịch tại các địa điểm nghiên cứu thể hiện người dân nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ từ chính quyền, doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ trong hoạt động phát triển du lịch. Chính quyền tạo hành lang pháp lý, định hướng qui hoạch phát triển xây dựng thành công làng văn hoá du lịch cộng đồng, đầu tư về cơ sở hạ tầng, thực hiện quản lý nhà nước về du lịch. Doanh nghiệp và các tổ chức đã tư vấn cho chính quyền về các hoạt động, cách thức vận hành hệ thống du lịch, thành lập và vận hành Ban quản lý du lịch cộng đồng, ban hành quy chế hoạt động để quản lý chung các hoạt động du lịch của thôn và mối liên hệ với các đơn vị, tổ chức liên quan, xây dựng mô hình Homestay, mở các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch, cách thức hoạch toán thu chi cho các hộ gia đình. Kết quả của hoạt động chia sẻ giá trị là chính quyền thu được các loại phí, thuế làm tăng ngân sách của địa phương từ đó đầu tư cho cơ sở hạ tầng, các hộ dân thu được lợi nhuận từ hoạt động du lịch và sử dụng lao động địa phương, tạo sinh kế mới, nâng cao nhận thức, được đào tạo nâng cao trình độ cho mình và cho thành viên gia đình nâng cao thu nhập cho hộ gia đình và người lao động địa phương. Đối với cộng đồng được sử

dụng một phần ngân sách thu được từ du lịch phục vụ hoạt động thu gom rác thải, được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ dân trí, thay đổi nhận thức, thói quen trong giáo dục, trong sinh hoạt hàng ngày về an toàn vệ sinh thực phẩm và sử dụng các tài nguyên thiên nhiên. Trong đời sống giải trí người dân được thưởng thức các hoạt động văn hóa nghệ thuật truyền thống và hiện đại. Sự chia sẻ giá trị trong phát triển du lịch tạo thế cân bằng và phát triển bền vững của cộng đồng dân cư là cơ sở quan trọng trong phát triển bền vững về du lịch.

Hoạt động Bảo tồn nguồn gốc giá trị là điều kiện đủ để phát triển DLBV. Hoạt động Bảo tồn nguồn gốc giá trị có tác động tích cực và có ảnh hưởng mạnh thứ ba đến sự phát triển du lịch bền vững ($\beta=0.14$). Hoạt động du lịch hiện tại có thể phá vỡ các nguồn tài nguyên du lịch, làm tổn hại khả năng phát triển du lịch trong tương lai. Vì vậy, việc chú trọng tới các hoạt động bảo tồn nguồn gốc giá trị là cực kỳ quan trọng trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững. Hoạt động bảo tồn nguồn gốc giá trị trong phát triển du lịch bền vững là các hoạt động nhằm đảm bảo giữ nguyên vẹn giá trị, không thay đổi nguồn tài nguyên tạo ra giá trị, đồng thời vẫn tiếp tục bồi đắp các yếu tố mới trên nền tảng bản chất cốt lõi và không làm méo mó giá trị truyền thống trong quá trình khai thác phục vụ cho hoạt động phát triển du lịch. Hoạt động du lịch bền vững với sự tham gia của cộng đồng dựa trên tài nguyên sẵn có và không làm thay đổi nguồn tài nguyên này. Cảnh quan và môi trường tại điểm du lịch được giữ nguyên vẹn hiện trạng môi trường sinh thái tự nhiên của thôn, không khí trong lành, cảnh quan sạch đẹp, chất thải đã được thu gom và xử lý tương đối theo quy định. Các hộ gia đình khi chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, di dời chuồng trại xa khu vực nhà ở đảm bảo vệ sinh phục vụ hoạt động tham quan trải nghiệm của khách du lịch. Các gia đình đã hạn chế đun nấu bằng củi mà sử dụng Bioga hoặc bếp ga gia đình hạn chế khói bụi ảnh hưởng đến du lịch. Hệ thống ruộng bậc thang được canh tác theo qui

ước của bản vừa tạo thu nhập từ nông nghiệp vừa tạo cảnh quan du lịch. Hệ thống thác, suối, ao, hồ được bảo vệ không có rác thải và nước thải đi vào nguồn nước tự nhiên. Hoạt động du lịch cũng được xem là một trong những công cụ quan trọng để bảo tồn văn hóa truyền thống của địa phương. Sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch bền vững đã bảo tồn các tập quán và truyền thống văn hóa thể hiện qua sự hiện diện các khía cạnh văn hóa độc đáo trong đời sống hàng ngày của người dân địa phương như hệ thống nhà ở theo kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống được mặc hàng ngày, các món ẩm thực độc đáo của địa phương, các làn điệu dân ca, dân vũ, lễ hội cấp sắc được bảo tồn nguyên bản của địa phương. Lợi ích của phát triển du lịch cộng đồng đối với bảo tồn văn hóa có tác động tích cực đến tính bền vững của sản phẩm du lịch.

Tuy nhiên trong các hoạt động của cộng đồng còn tồn tại một số điểm hạn chế đang là rào cản phát triển du lịch bền vững. Thứ nhất đó là do kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của người dân với xuất phát điểm còn hạn chế, quá trình sáng tạo các giá trị mới trong du lịch chưa đạt đến độ hấp dẫn đối với du khách, các sản phẩm chưa có tính đột phá và ấn tượng cao đối với du khách. Thứ hai các hộ tham gia vào hoạt động du lịch còn mang tính tự phát, chưa chuyên nghiệp. Thứ ba trong hoạt động chia sẻ giá trị một số vấn đề về môi trường chưa được chia sẻ bởi các bên liên quan mà cơ bản vẫn xuất phát từ các hộ kinh doanh dịch vụ du lịch. Thứ tư hoạt động bảo tồn nguyên gốc giá trị một số hộ dân chưa thực hiện giữ gìn đúng nguyên gốc các hoạt động văn hóa, các kết cấu về nhà ở và chữ viết. Từ đó những hàm ý về mặt chính sách như sau:

Xây dựng quy hoạch và định hướng phát triển du lịch trong bối cảnh phù hợp với văn hóa, môi trường của địa phương. Cụ thể là các chương trình mỗi xã một sản vật, xây dựng các làng nghề tại từng xã, các hoạt động sản xuất gắn với tái tạo tài nguyên thiên nhiên;

Xây dựng cơ chế phân phối lợi ích công bằng giữa các bên liên quan, đặc biệt chú trọng đến lợi ích của cộng đồng địa phương;

Phối hợp tổ chức các khoá đào tạo kiến thức, nghiệp vụ về du lịch cho các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh lưu trú và cá nhân tham gia hoạt động du lịch;

Tích cực đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh điểm đến và thực hiện kết nối mạng lưới du lịch cộng đồng phạm vi trong nước và khu vực.

4. KẾT LUẬN

Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch bền vững là không thể tách rời. Cộng đồng đã đóng góp trong các hoạt động sáng tạo giá trị, chia sẻ giá trị và bảo tồn nguồn gốc giá trị trong phát triển du lịch. Sự tham gia của cộng đồng địa phương đã tạo ra sự cân bằng lợi ích giữa sự phát triển du lịch và phát triển cộng đồng. Trong tương lai để phát triển du lịch bền vững với sự tham gia của cộng đồng cần thực hiện một số giải pháp như: cộng đồng cần được tham gia, làm chủ, kiểm soát và được hưởng lợi một cách công bằng, bình đẳng với các bên liên quan khác; Tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức cho người dân địa phương, hướng dẫn viên du lịch, đặc biệt là thanh niên, phụ nữ; Nâng cao vai trò trong quản lý và bảo tồn tài nguyên du lịch thông qua việc gắn kết lợi ích và trách nhiệm trong sử dụng, bảo tồn và tái tạo nguồn tài nguyên du lịch; Đẩy mạnh gắn kết sinh kế hộ gia đình với phát triển du lịch, thu nhập từ du lịch nên được xác định là nguồn sinh kế bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Amir, A. F., Ghapar, A., A. Jamal, S., & Ahmad, K. N. (2015). Sustainable Tourism Development: A Study on Community Resilience for Rural Tourism in Malaysia. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 168. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.10.217>

- Andriotis, K. (2004). The Perceived Impact of Tourism Development by Cretan Residents. *Tourism and Hospitality Planning and Development*, 1(2), 1–22.
- Arthur, A. N. S., & Mensah, V. J. (2006). Urban management and heritage tourism for sustainable development The case of Elmina Cultural Heritage and Management Programme in Ghana. *Management of Environmental Quality: An International Journal*, 17(3), 299–312.
- Ayala-carcedo, F., & Regueiro y González-Barros, M. (2005). Economic Underdevelopment And Sustainable Development In The World:Conditioning Factors, Problems And Opportunities. *Environment, Development and Sustainability*, 7, 95–115. <https://doi.org/10.1007/s10668-003-4012-9>
- Baier K. (1966). *What is value? An analysis of the concept*, In *Values and 9. 10.11 the future: The impact of technological change on American values K. Baier & N Rescher*. . Publishing House Free Press.
- Barbara G. Tabachnick, & Linda S. Fidell. (1996). *Using Multivariate Statistics (3rd ed.)*. Harper Collins.
- Belisle, F. J., & Hoy, D. R. (1980). The perceived impact of tourism by residents a case study in Santa Marta, Colombia. *Annals of Tourism Research*, 7(1), 83–101.
- Binns, J. A. (Tony), & Nel, E. L. (2002). Tourism as a Local Development Strategy in South Africa. *The Geographical Journal*, 168(3), 235–247. <https://www.jstor.org/stable/3451338>
- Bowman, C., & Ambrosini, V. (2000). Value Creation Versus Value Capture: Towards a Coherent Definition of Value in Strategy. *British Journal of Management*, 11(1), 1–15. <https://doi.org/10.1111/1467-8551.00147>
- Briedenhann now Tilbury, J., & Eugenia, W. (2004). Tourism routes as a tool for the economic development of rural areas - vibrant hope or impossible dream? *Tourism Management*, 25, 71–79. [https://doi.org/10.1016/S0261-5177\(03\)00063-3](https://doi.org/10.1016/S0261-5177(03)00063-3)
- Buccus, I., Hemson, D., Hicks, J., & Piper, L. (2008). Community development and engagement with local governance in South Africa. *Community Development Journal*, 43(3), 297–311. <https://doi.org/10.1093/cdj/bsn011>
- Byrd, E., & Charters, S. (2007). Using Decision Trees to Identify Tourism Stakeholders: The Case of Two Eastern North Carolina Counties. *Tourism and Hospitality Research*, 7, 176–193. <https://doi.org/10.1057/palgrave.thr.6050049>
- Canestrelli, E., & Costa, P. (1991). Tourist carrying capacity: A fuzzy approach. *Annals of Tourism Research*, 18, 295–311. [https://doi.org/10.1016/0160-7383\(91\)90010-9](https://doi.org/10.1016/0160-7383(91)90010-9)
- Carbone, M. (2005). Sustainable Tourism in Developing Countries: Poverty Alleviation, Participatory Planning, and Ethical Issues. *The European Journal of Development Research*, 17(3), 559–565. <https://doi.org/10.1080/09578810500209841>
- Chính phủ. (2020). *Nghị quyết Số 136/NQ-CP của Chính phủ ngày 25-09-2020: Về phát triển bền vững*.
- Choi, H.-S. C., & Sirakaya, E. (2005). Measuring Residents' Attitude toward Sustainable Tourism: Development of Sustainable Tourism Attitude Scale. *Journal of Travel Research*, 43(4), 380–394. <https://doi.org/10.1177/0047287505274651>
- Cole, S., Smith, M., & Robinson, M. (2006). Cultural tourism, community participation and empowerment. *Cultural Tourism in a Changing World: Politics, Participation and (Re) Presentation*, 89.
- Cousins, J., Evans, J., & Sadler, J. (2009). Selling Conservation? Scientific Legitimacy and the Commodification of Conservation Tourism. *Ecology and Society*, 14. <https://doi.org/10.5751/ES-02804-140132>
- Faulkner Bill. (2014). Tourism development options in Indonesia and the case of agro-tourism in central Java. In Bill Faulkner, Eric Laws, & Gianna Moscardo (Eds.), *Embracing and Managing Change in*

- Tourism International Case Studies*. Routledge.
<https://www.routledge.com/Embracing-and-Managing-Change-in-Tourism-International-Case-Studies/Faulkner-Laws-Moscardo/p/book/9781138881327>
- Geoffrey, M., & Jones, E. (2007). Community-Based Tourism Enterprises Development in Kenya: An Exploration of Their Potential as Avenues of Poverty Reduction. *Journal of Sustainable Tourism - J SUSTAIN TOUR*, 15, 628–644. <https://doi.org/10.2167/jost723.0>
- George, B., & Henthorne, T. (2007). Tourism and the general agreement on trade in services: Sustainability and other developmental concerns. *International Journal of Social Economics*, 34, 136–146. <https://doi.org/10.1108/03068290710726702>
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate Data Analysis. 7th Edition*. Pearson Education, Upper Saddle River.
<https://www.drnishikantjha.com/papersCollection/Multivariate%20Data%20Analysis.pdf>
- Hall C.M., J. Jenkins, & G. Kearsley. (1997). *Tourism Planning and Policy in Australia and New Zealand - Cases, Sydney: Issues and Practice*. McGraw-Hill.
- Hu, L. T., & Bentler, P. M. (1999). Cutoff criteria for fit indexes in covariance structure analysis: Conventional criteria versus new alternatives. *Structural Equation Modeling*, 6(1), 1–55. <https://doi.org/10.1080/10705519909540118>
- Huttasin, N. (2008). Perceived Social Impacts of Tourism by Residents in the OTOP Tourism Village, Thailand. *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, 13, 175–191. <https://doi.org/10.1080/10941660802048498>
- Macbeth, J., Burns, G. L., Chandler, L., Revitt, M., & Veitch, S. (2002). *Community as tourism object: associated disciplinary understandings*.
<https://api.semanticscholar.org/CorpusID:153389096>
- Machlis, G. E., & Burch, J. , W. R. (1983). Relations between strangers: Cycles of structure and meaning in tourist systems. *Sociological Review*, 31(4), 665–692.
- Mbaiwa, J. (2004). The Success and Sustainability of Community-based Natural Resource Management in the Okavango delta, Botswana. *South African Geographical Journal - S AFR GEOGR J*, 86. <https://doi.org/10.1080/03736245.2004.9713807>
- Muhanna, E. (2007). The Contribution of Sustainable Tourism Development in Poverty Alleviation of Local Communities in South Africa. *Journal of Human Resources in Hospitality & Tourism*, 6, 37–67. https://doi.org/10.1300/J171v06n01_03
- Nguyễn Văn Thắng. (2015). *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và Quản trị kinh doanh*. Nhà xuất bản đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nunkoo, R., & Ramkissoon, H. (2011). Residents' Satisfaction With Community Attributes and Support for Tourism. *Journal of Hospitality & Tourism Research - J Hospit Tourism Res*, 35, 171–190. <https://doi.org/10.1177/1096348010384600>
- Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). The Assessment of Reliability. *Psychometric Theory*, 3, 248-292.
- Pavlovich, K. (2001). The Twin Landscapes of Waitomo: Tourism Network and Sustainability through the Landcare Group. *Journal of Sustainable Tourism*, 9(6), 491–504. <https://doi.org/10.1080/09669580108667416>
- Quốc hội. (2017). *Luật số 09/2017/QH14: Luật du lịch*.
- Roger Bove. (2006). *Estimation and Sample Size Determination for Finite Populations, 10th edition. CD Rom Topics, Section 8.7*. West Chester University of Pennsylvania.
- S. Gossling, K. Schumacher, Marie Morelle, R. Berger, & N. Heck. (2004). Tourism and Street Children in Antananarivo, Madagascar. *Tourism and Hospitality Research*, 5(2), 131–149.
- Schumpeter, J. A. (1934). *The Theory of Economic Development (R. Opie, Trans.)*. Harvard: Economic Studies.

- Simmons, G. (2007). Integrating sustainable tourism and marketing management: Can national parks provide the framework for strategic change (with Audrey Gilmore). *Strategic Change*, 16, 191–200.
- Sirivongs, K., & Tsuchiya, T. (2012). Relationship between local residents' perceptions, attitudes and participation towards national protected areas: A case study of Phou Khao Khouay National Protected Area, central Lao PDR. *Forest Policy and Economics*, 21, 92–100.
<https://doi.org/10.1016/j.forpol.2012.04.003>
- Stronza, A., Hunt, C., & Fitzgerald, L. (2019). Ecotourism for Conservation? *Annual Review of Environment and Resources*, 44.
<https://doi.org/10.1146/annurev-environ-101718-033046>
- Suntikul, W., Butler, R., & Airey, D. (2010). Implications of political change on national park operations: Doi moi and tourism to Vietnam's national parks. *Journal of Ecotourism*, 9, 201–218.
<https://doi.org/10.1080/14724040903144360>
- Swarbrooke, J. (1999). *Sustainable tourism management*. CABI Publishing, Division of CABI International.
- Tak-chuen, L. (2005). The Poverty of Tourism under Mobilizational Developmentalism in China. *Visual Anthropology*, 18(2–3), 257–289.
<https://doi.org/10.1080/08949460590914895>
- T&C Consulting, & Gillespie, J. (2014). *Public Land Disputes in Vietnam: A Multi-Actor Analysis of Five Case Studies with an East Asian Comparative*. www.asiafoundation.org
- Thanh Huyền. (2022, November 22). *Khách du lịch đến Lào Cai ước đạt 4,1 triệu lượt trong 11 tháng đầu năm 2022*. Website Điện Tử Tỉnh Lào Cai. <https://www.laocai.gov.vn/tin-trong-tinh/khach-du-lich-den-lao-cai-uoc-dat-4-1-trieu-luot-trong-11-thang-dau-nam-2022-997027>
- Timmer, V., & Juma, C. (2005). Taking Root: Biodiversity Conservation and Poverty Reduction Come Together in the Tropics. *Environment: Science and Policy for Sustainable Development*, 47, 24–44.
<https://doi.org/10.3200/ENVT.47.4.24-44>
- Timothy Duval, D. (2004). *Tourism in the Caribbean: Trends, Development, Prospects*. <https://dokumen.pub/tourism-in-the-caribbean-trends-development-prospects-1nbsped-0415303621-9780415303620.html>
- Tosun, C. (2001). Challenges of sustainable tourism development in the developing world: the case of Turkey. *Tourism Management*, 22(3), 289–303.
[https://doi.org/https://doi.org/10.1016/S0261-5177\(00\)00060-1](https://doi.org/https://doi.org/10.1016/S0261-5177(00)00060-1)
- Tosun, C. (2006). Expected nature of community participation in tourism development. *Tourism Management*, 27, 493–504.
<https://doi.org/10.1016/j.tourman.2004.12.004>
- Tosun, C., & Timothy, D. (2003). Arguments for Community Participation in the Tourism Development Process. *The Journal of Tourism Studies*, 14.
- UBND huyện Mai Châu. (2022). *Mai Châu: Doanh thu từ du lịch năm 2022 ước đạt 600 tỷ đồng*. Website Điện Tử UBND Huyện Mai Châu. https://maichau.hoabinh.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=2302:mai-cha-u-doanh-thu-ta-du-la-ch-n-m-2022-a-c-a-t-600-ta-a-ng&catid=81&Itemid=573&lang=vi
- UNWTO. (1998). *Guide for Local Authorities on Developing Sustainable Tourism*. WTO.
- UNWTO. (2007). *A Practical Guide to Tourism Destination Management*. UNWTO Madrid. <https://www.unwto.org/global/publication/practical-guide-tourism-destination-management>
- Zhao, W., & Ritchie, J. (2007). Tourism and Poverty Alleviation: An Integrative Research Framework. *Current Issues in Tourism*, 10, 119–143. <https://doi.org/10.2167/cit296.0>